

PHỤ LỤC
SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC HƯỞNG LƯƠNG
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: 2963/QĐ-UBND ngày 28/8/2026 của UBND thành phố)

TT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng biên chế viên chức	Ghi chú
	Tổng cộng	21951	
I	Các Sở, ban, ngành thành phố	4450	
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	2856	
2	Sở Khoa học và Công nghệ	53	
3	Sở Ngoại vụ	17	
4	Sở Nội vụ	58	
5	Sở Nông nghiệp và Môi trường	259	
6	Sở Tài chính	0	
7	Sở Tư pháp	23	
8	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	306	Theo Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 20/8/2026 của HĐND thành phố (có hiệu lực kể từ ngày 01/9/2026)
9	Sở Xây dựng	0	
10	Sở Y tế	853	
11	Văn phòng UBND thành phố	25	
II	Đơn vị sự nghiệp thuộc UBND thành phố	227	
1	Nhà xuất bản Thuận Hóa	9	
2	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	18	
3	Trung tâm Xúc tiến đầu tư, TM và HTDN	35	
4	Trường Cao đẳng Huế	147	
5	Viện Nghiên cứu phát triển	18	
III	UBND cấp xã	17274	
1	Phường An Cựu	395	
2	Phường Dương Nỗ	386	

TT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng biên chế viên chức	Ghi chú
3	Phường Hoà Châu	431	
4	Phường Hương An	343	
5	Phường Hương Thủy	366	
6	Phường Hương Trà	411	
7	Phường Kim Long	502	
8	Phường Kim Trà	448	
9	Phường Mỹ Thượng	492	
10	Phường Phong Điền	487	
11	Phường Phong Dinh	370	
12	Phường Phong Phú	244	
13	Phường Phong Quảng	330	
14	Phường Phong Thái	499	
15	Phường Phú Bài	529	
16	Phường Phú Xuân	1246	
17	Phường Thanh Thủy	539	
18	Phường Thuận An	568	
19	Phường Thuận Hoá	1038	
20	Phường Thủy Xuân	358	
21	Phường Vỹ Dạ	509	
22	Xã A Lưới 1	279	
23	Xã A Lưới 2	429	
24	Xã A Lưới 3	229	
25	Xã A Lưới 4	223	
26	Xã A Lưới 5	111	
27	Xã Bình Điền	286	
28	Xã Chân Mây - Lăng Cô	517	
29	Xã Đan Điền	524	
30	Xã Hưng Lộc	425	

TT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng biên chế viên chức	Ghi chú
31	Xã Khe Tre	293	
32	Xã Lộc An	463	
33	Xã Long Quảng	201	
34	Xã Nam Đông	220	
35	Xã Phú Hồ	324	
36	Xã Phú Lộc	354	
37	Xã Phú Vang	491	
38	Xã Phú Vinh	462	
39	Xã Quảng Điền	558	
40	Xã Vinh Lộc	394	